

QUYỀN TỰ DO TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO CỦA NGƯỜI DÂN TRONG CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA

Nguyễn Thị Minh Ngọc*

Tóm tắt: Việt Nam là quốc gia đa tôn giáo và không có sự phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo, không có mâu thuẫn hay xung đột giữa các tôn giáo. Người có tín ngưỡng, tôn giáo và người không theo tín ngưỡng, tôn giáo cùng chung sống hài hòa trong cộng đồng dân tộc Việt Nam. Tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo là trọng tâm trong ứng xử đối với tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Bài viết này đi sâu phân tích quan điểm của Đảng về vấn đề tôn giáo, việc hoạch định chính sách tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam. Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân được thể hiện ngay trong Hiến pháp đầu tiên (1946) và là quan điểm xuyên suốt của Đảng cho đến hiện nay.

Từ khóa: Chính sách tôn giáo, quan điểm của Đảng, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

Abstract: Vietnam is a country with a diversity of religions, without religious discrimination or interreligious conflict. Both believers and non-believers live together harmoniously within the Vietnamese national community. Respect for freedom of belief and religion has consistently been a central principle in the policies and approaches of the Communist Party of Vietnam and the Vietnamese State. This paper provides an in-depth analysis of the viewpoints of the Vietnamese State on religious affairs and its policy-making regarding belief and religion. The guarantee of freedom of belief and religion for citizens was already recorded in the first Constitution of 1946 and has remained a consistent viewpoint of the Party ever since.

Keywords: Religious policy, viewpoints of the party, freedom of belief and religion.

Ngày nhận bài: 28/6/2025; ngày phản biện: 12/1/2026; ngày duyệt đăng: 22/1/2026.

GIỚI THIỆU

Nhà nước Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, do vậy, việc đảm bảo quyền tham gia của người dân vào quá trình hoạch định các chính sách nói chung và chính sách về tôn giáo nói riêng là yêu cầu tất yếu, phản ánh bản chất dân chủ và tiến bộ của chế độ. Tôn giáo một hiện tượng văn hóa xã hội đặc thù, tồn tại lâu dài và có ảnh hưởng sâu rộng không chỉ tới đời sống tinh thần, mà còn chi phối hành vi của một bộ phận không nhỏ quần chúng nhân dân. Các chính sách tôn giáo, một mặt, là sự quản lý của nhà nước đối với hoạt động tôn giáo, mặt khác, là sự đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo cho người dân. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là quyền cơ bản của con

* Viện Xã hội học và Tâm lý học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Email: ngoctnminh@gmail.com.

người, được quy định trong Hiến pháp và pháp luật Việt Nam. Việc người dân, đặc biệt là các cá nhân, tổ chức tôn giáo tham gia vào quá trình xây dựng, thực hiện và giám sát chính sách tôn giáo là yếu tố then chốt, đảm bảo tính dân chủ, minh bạch, hiệu quả cũng như đưa chính sách đi vào đời sống thực tiễn một cách phù hợp.

Nghiên cứu về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo đã có nhiều công trình đề cập trực tiếp hoặc gián tiếp như: *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam* của Ban Tôn giáo Chính phủ (2022) cung cấp kiến thức cơ bản về 16 tôn giáo được công nhận tư cách pháp nhân, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về tín ngưỡng, tôn giáo trong thời kỳ Đổi mới; tiến trình pháp luật của Nhà nước Việt Nam về tín ngưỡng, tôn giáo để thấy góc nhìn tổng thể sự ra đời, vận hành của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo; Luật tín ngưỡng, tôn giáo của Việt Nam. Bên cạnh đó là *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX* (2003); *Hồ Chí Minh toàn tập* (1984). Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 và năm 2013; nhiều bài báo, bài tạp chí cũng có đề cập đến việc thụ hưởng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân thông qua các văn bản của Đảng và Nhà nước. Như vậy, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là thành tựu xuyên suốt chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước. Chính sách tôn giáo với tư cách là một chính sách công đảm bảo quyền thụ hưởng của người dân.

Thụ hưởng thành quả từ các chính sách tôn giáo là một quyền quan trọng thể hiện các chiều cạnh của sự công bằng, tiến bộ xã hội, là sự thừa nhận, tôn trọng và hỗ trợ để các tổ chức tôn giáo có điều kiện thuận lợi đóng góp vào các hoạt động hướng đích xã hội, như: giáo dục, y tế, từ thiện, bảo vệ môi trường hay phát triển cộng đồng. Có thể nói rằng, việc hoạch định chính sách tôn giáo cần dựa trên quan điểm đúng đắn, nguyên tắc nhất quán, thực tiễn nhu cầu tôn giáo của người dân và được thực hiện trong điều kiện đảm bảo các yếu tố pháp lý, xã hội và thể chế phù hợp.

Với mong muốn làm rõ hơn các quan điểm lý luận và thực tiễn trong việc đảm bảo quyền tham gia và thụ hưởng của người dân trong xây dựng và thực hiện chính sách tôn giáo. Từ góc độ quyền con người, chính sách tôn giáo, đảm bảo quyền tự do, tín ngưỡng, tôn giáo được coi là một quyền cơ bản và phổ quát của con người. Đây chính là cơ chế bảo vệ và thúc đẩy quyền con người trong đời sống văn hóa, tinh thần. Một quốc gia tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tôn giáo đồng nghĩa với việc thừa nhận sự đa dạng, bình đẳng và phẩm giá của mỗi cá nhân không phân biệt đức tin. Việc tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo hoạt động hợp pháp, nhằm góp thêm giá trị tích cực cho xã hội, đồng hành cùng sự phát triển bền vững đất nước, tham gia vào quá trình hoạch định chính sách là mang ý nghĩa nhân quyền sâu sắc.

Bài viết sử dụng phương pháp tổng hợp tài liệu và phân tích chính sách để làm rõ nội dung đặt ra, qua đó phân tích các nội dung tác động và hiệu quả của chính sách công đối với người dân. Nội dung chính của bài viết nhằm tìm hiểu mục tiêu, tác động và hiệu quả của chính sách tôn giáo đến quyền tự do theo và không theo tôn giáo của người dân, góp phần làm rõ bối cảnh chính trị, xã hội và pháp lý trong quá trình xây dựng và thực thi chính sách

tôn giáo của Việt Nam. Đồng thời, cung cấp thông tin mang tính khách quan, khoa học, bám sát thực tế nhằm điều chỉnh và hoàn thiện chính sách phù hợp với thực tiễn và nhu cầu tôn giáo của người dân.

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

1. Quan điểm, nguyên tắc của Đảng Cộng sản Việt Nam trong hoạch định chính sách tín ngưỡng, tôn giáo

Quan điểm được hiểu là hệ thống nhận thức, lập trường và cách nhìn nhận mang tính định hướng của chủ thể đối với một vấn đề xã hội nhất định. Quan điểm có thể được cụ thể hóa thông qua các chỉ báo như: mục tiêu định hướng, cách tiếp cận vấn đề, các luận điểm chủ đạo được thể hiện trong văn bản chính sách, phát biểu chính thức hoặc hành động thực tiễn. Nguyên tắc là những chuẩn mực, quy tắc cơ bản có tính ổn định, chi phối cách thức hành động và ra quyết định. Nguyên tắc được thực hiện thông qua các tiêu chí như: mức độ nhất quán trong thực thi, tính bắt buộc trong áp dụng, phạm vi điều chỉnh và sự phản ánh của nguyên tắc trong các cơ chế, quy định cụ thể.

Quan điểm, nguyên tắc của Đảng Cộng sản Việt Nam trong hoạch định chính sách tôn giáo phản ánh tư duy đổi mới lý luận gắn với thực tiễn đất nước được hình thành và phát triển nhất quán qua từng thời kỳ lịch sử, trên cơ sở quán triệt nguyên tắc tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân. Tôn giáo được xác định là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, là hiện tượng còn tồn tại lâu dài trong đời sống xã hội, nên quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật về tôn giáo của Nhà nước được đặt trong mối quan hệ hài hòa giữa quyền con người, lợi ích dân tộc và yêu cầu quản lý Nhà nước.

Việt Nam là đất nước có truyền thống văn hóa lâu đời với sự hiện diện của nhiều loại hình tôn giáo khác nhau. Việt Nam có trên 26,5 triệu tín đồ tôn giáo (chiếm 27% dân số cả nước) (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2022, tr. 7). Việt Nam là quốc gia tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân. Qua quá trình lịch sử, Việt Nam chưa xảy ra sự xung đột tôn giáo. Các tín ngưỡng, tôn giáo cùng chung sống hòa bình. Hiện nhà nước Việt Nam đã công nhận 40 tổ chức tôn giáo và 01 tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo thuộc 16 tôn giáo¹ (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2022, tr. 8).

Chính sách đối với tôn giáo của Nhà nước ta được xây dựng trên quan điểm, nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo, đồng thời, căn cứ vào tình hình quốc tế, đặc điểm tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam và nhu cầu của cách mạng trong từng thời kỳ lịch sử.

¹ 16 tôn giáo đó là: Phật giáo, Công giáo, đạo Tin Lành, Phật giáo Hòa Hảo, đạo Cao Đài, Hồi giáo (Islam giáo), đạo Baha'i, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam, Cơ đốc Phục Lâm, Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Giáo hội Phật đường Nam tông Minh sư đạo, Minh lý đạo - Tam tông miếu, Bà La Môn giáo, Giáo hội Các thánh hữu ngày sau của Chúa Giê su Ky tô, Bửu Sơn Kỳ Hương, Phật giáo Hiếu nghĩa Tà Lon.

Đảng Cộng sản Việt Nam lấy tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng, cốt lõi tư tưởng Hồ Chí Minh là tinh thần đoàn kết tôn giáo, tôn trọng tự do tôn giáo, xây dựng đoàn kết tôn giáo trong khối đại đoàn kết dân tộc. Quan điểm này của Chủ tịch Hồ Chí Minh được thể hiện bằng văn bản từ ngày đầu thành lập nước. Cụ thể, nội dung quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được thể hiện trong *Những nhiệm vụ cấp bách của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa* tại “Vấn đề thứ ba: Tất cả các công dân trai gái 18 tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tín ngưỡng, giòng giống”; Vấn đề thứ sáu: Thực dân phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào Giáo và đồng bào Lương để dễ bề thống trị; Tôi đề nghị chính phủ ta tuyên bố: Tín ngưỡng tự do, lương giáo đoàn kết” (Hồ Chí Minh toàn tập, tập 3, 1984, tr. 7).

Bước sang thời kỳ Đổi mới, đứng trước nhu cầu tôn giáo của người dân, Đảng đã đặt ra việc đổi mới tư duy, nhận thức về vấn đề tôn giáo. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI bắt đầu đặt ra vấn đề đổi mới nhận thức về tôn giáo (từ Nghị quyết số 24-NQ/TW, năm 1990). Hội nghị lần thứ VII *Về công tác tôn giáo* ban hành Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 12/3/2003, yêu cầu cấp uỷ, tổ chức Đảng, các cấp, các ngành cần thống nhất nhận thức về các quan điểm trên như *tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đồng bào các tôn giáo là một bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc*. Nghị quyết số 25-NQ/TW thể hiện sự nhất quán trong quan điểm, chính sách đối với tôn giáo đã được nêu trong các văn kiện của Đảng trước đây và khẳng định: hoạt động tôn giáo và công tác tôn giáo phải nhằm tăng cường đoàn kết đồng bào các tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2022, tr. 53).

Như vậy, kể từ Nghị quyết số 24-NQ/TW (1990), Đảng ta đã có sự đổi mới trong nhận thức luận về vấn đề tôn giáo và chỉ ra rằng tôn giáo còn tồn tại lâu dài. Trong ứng xử với tôn giáo, quan điểm của Đảng là *tín ngưỡng, tôn giáo có nguồn gốc từ lâu và tồn tại xã hội*, bởi vậy, không thể xóa bỏ tôn giáo bằng các biện pháp hành chính hay cưỡng chế. Quan điểm hòa hợp tôn giáo và dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng được cho thấy là tín ngưỡng, tôn giáo tồn tại cùng dân tộc trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là yếu tố cơ bản để đồng bào các tôn giáo gắn bó với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cách nhìn tôn giáo đa chiều đã được thể hiện bên cạnh việc phê phán các yếu tố mê tín dị đoan của tôn giáo, tín ngưỡng thì giá trị văn hóa tôn giáo trong đời sống xã hội được khẳng định. Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới. Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 02/7/1998 của Bộ Chính trị *về công tác tôn giáo trong tình hình mới* khẳng định: “Những hoạt động của tôn giáo ích nước lợi dân, phù hợp với nguyện vọng và lợi ích chính đáng, hợp pháp của tín đồ được bảo đảm, những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo được tôn trọng và khuyến khích phát huy. Tôn

trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và tự do không tín ngưỡng, tôn giáo của công dân” (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2022, tr. 52).

Có thể thấy rằng, tư tưởng nhất quán, xuyên suốt của Đảng và Nhà nước ta trong hoạch định chính sách tôn giáo là tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân, đoàn kết tôn giáo, hòa hợp dân tộc. Mặt khác, mọi người kể cả có hay không có tín ngưỡng cũng như có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau cần đề cao cảnh giác chống mọi âm mưu, thủ đoạn lợi dụng tôn giáo chống phá cách mạng. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Các tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, bình đẳng trước pháp luật. Đảng và Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau; đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc và nhân dân. Nghiêm cấm sự phân biệt đối xử với công dân vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo. Đồng thời, nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2003, tr. 45-46).

Quan điểm, nguyên tắc nhất quán về tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo tiếp tục được khẳng định tại các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (tháng 01/2021), Đảng Cộng sản Việt Nam xác định: “Thực hiện tốt mục tiêu đoàn kết tôn giáo, đại đoàn kết toàn dân tộc. Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người theo quy định của pháp luật. Phát huy giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo vào giữ gìn và nâng cao đạo đức truyền thống xã hội, xây dựng đời sống văn hóa ở các khu dân cư, góp phần ngăn chặn các tệ nạn xã hội” (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2022, tr. 54-55). Điều 3, khoản 2, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo quy định: Nhà nước tôn trọng, bảo vệ giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tín ngưỡng, tôn giáo, truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh người có công với đất nước, với cộng đồng đáp ứng nhu cầu tinh thần của nhân dân.

Chính sách tôn giáo thể hiện quan điểm, nguyên tắc của Đảng khẳng định vai trò của các tổ chức tôn giáo trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Chính sách tôn giáo được xây dựng trên nền tảng pháp quyền, dân chủ, đối thoại và đồng thuận xã hội nhằm tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức tôn giáo hoạt động đúng pháp luật, đóng góp vào công cuộc phát triển bền vững đất nước. Tư duy nhất quán của Đảng đối với việc hoạch định chính sách tôn giáo là coi tôn giáo như một nguồn lực xã hội. Từ đó, chính sách tôn giáo được định hướng sao cho vừa đảm bảo an ninh quốc gia, trật tự xã hội, vừa thúc đẩy quyền con người và phát huy vai trò tích cực của các tổ chức, cá nhân tôn giáo trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế.

2. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là quyền thụ hưởng quan trọng của người dân trong chính sách về tôn giáo ở Việt Nam

Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và quyền thụ hưởng các thành quả từ chính sách tôn giáo là một trong những quyền cơ bản phản ánh tính nhân văn, dân chủ của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Việt Nam. Chính sách tôn giáo tạo hành lang pháp lý cho người dân được thụ hưởng quyền tự do tôn giáo. Quyền thụ hưởng tự do tín ngưỡng, tôn giáo là một trong những quyền cơ bản của con người có vai trò thiết yếu trong việc bảo đảm phẩm giá cá nhân, tăng cường đa dạng văn hóa và xây dựng xã hội hòa bình, khoan dung. Tự do tôn giáo không chỉ đơn thuần là quyền được tin hoặc không tin vào một tôn giáo và bao gồm quyền thực hành, truyền bá và thể hiện đức tin tôn giáo một cách tự do, bình đẳng, không bị phân biệt đối xử hay bạo lực.

Văn bản pháp luật cao nhất, Hiến pháp của nhà nước Việt Nam trong tiến trình lịch sử luôn đảm bảo khẳng định quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân Việt Nam. Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời đã khẳng định Quyền tự do tín ngưỡng là một trong năm quyền cơ bản của công dân. Điều 10, Chương II - Nghĩa vụ và quyền lợi công dân, ghi rõ: “Công dân Việt Nam có quyền: tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức và hội họp, tự do tín ngưỡng, tự do cư trú, đi lại trong nước và ra nước ngoài”. Hiến pháp năm 1959 được Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thông qua ngày 31/12/1959, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo tiếp tục được khẳng định và mở rộng hơn, công dân không chỉ có quyền “theo tôn giáo” mà còn có quyền “không theo một tôn giáo nào”. Điều 26, Chương III - Quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản của công dân, quy định: “Công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào”. Hiến pháp năm 1980 ngoài việc ghi nhận quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo, còn quy định nội dung phòng ngừa việc lợi dụng tôn giáo để làm những điều trái pháp luật, chính sách của Nhà nước: “Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào; không ai được lợi dụng tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước” (Điều 68, Chương V - Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân). Hiến pháp năm 1992 thể hiện quan điểm bình đẳng giữa các tôn giáo và trách nhiệm bảo hộ của nhà nước đối với nơi thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo. Điều 70, Hiến pháp năm 1992 ghi rõ: “Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật. Những nơi thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước”. Hiến pháp năm 2013 thêm một bước tiến mới cho quyền tự do tôn giáo thể hiện trong ba điểm mới về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, biểu thị góc nhìn của Nhà nước Việt Nam về quyền con người, quyền công dân theo hướng ngày càng hoàn thiện, dân chủ, bình đẳng, đó là: (1) Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là một nội dung quan trọng của Chương II về quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân; (2) Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là quyền của mọi người; (3) Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Điều 24, Hiến pháp năm 2013 hiến định như sau: “1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật; 2. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; 3. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo

hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật.”. Đây là sự đổi mới quan trọng về chủ thể của quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Chủ thể không chỉ giới hạn ở “công dân” Việt Nam mà là quyền của tất cả “mọi người” và quyền này không bị giới hạn bởi quốc tịch, giới tính, độ tuổi... “Hiến pháp năm 2013 cho thấy thái độ, cũng như chính sách dân chủ của Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo, coi đó là một nhu cầu và là quyền tất yếu của mọi người, cần phải được tôn trọng, bảo vệ và tạo điều kiện để mọi người thực hiện tốt nhất quyền đó” (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2022, tr. 62).

Không chỉ Hiến pháp, hệ thống văn bản pháp luật, như: các Nghị định, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo đều khẳng định quyền tự do tôn giáo của người dân. Nghị quyết số 25-NQ/TW là văn bản pháp lý triển khai các vấn đề liên quan tới tôn giáo sau đổi mới.

Nghị quyết số 25-NQ/TW nhấn mạnh 5 quan điểm chính sách đối với tôn giáo, trong đó có 3 nội dung liên quan tới quyền tự do tôn giáo là: 1) Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đồng bào các tôn giáo là bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Các tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, bình đẳng trước pháp luật. 2) Đảng, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau; đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc và nhân dân. Nghiêm cấm sự phân biệt đối xử với công dân vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo. Đồng thời, nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia. 3) Mọi tín đồ đều có quyền tự do hành đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp theo quy định của pháp luật. Các tổ chức tôn giáo được Nhà nước thừa nhận, được hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ, được hoạt động tôn giáo, mở trường đào tạo chức sắc, nhà tu hành, xuất bản kinh sách và giữ gìn, sửa chữa, xây dựng cơ sở thờ tự tôn giáo của mình theo đúng quy định của pháp luật. Việc theo đạo, truyền đạo cũng như mọi hoạt động tôn giáo khác đều phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; không được lợi dụng tôn giáo tuyên truyền tà đạo, hoạt động mê tín dị đoan, không được ép buộc người dân theo đạo. Nghiêm cấm các tổ chức truyền đạo, người truyền đạo và các cách thức truyền đạo trái phép, vi phạm các quy định của Hiến pháp và pháp luật (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2022, tr. 53-55).

Ngày 18/6/2004, Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo được ban hành. Trong đó, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được quy định ngay trong Điều 1: Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Nhà nước bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân. Không ai được xâm phạm quyền tự do ấy. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật. Công dân có tín ngưỡng, tôn giáo hoặc không có tín ngưỡng, tôn giáo cũng như công dân có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau phải tôn trọng lẫn nhau.

Luật Tín ngưỡng, tôn giáo thông qua ngày 18/11/2016 là văn bản pháp lý thay thế cho Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo. Quyền tự do tôn giáo của người dân được quy định trong Điều 3: Trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Khoản 1: Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người; bảo đảm để các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật. Điều 5, khoản 1; khoản 2; khoản 3 là các nội dung liên quan tới quyền tự do tôn giáo. Điều 5: Các hành vi bị nghiêm cấm. 1) Phân biệt đối xử, kỳ thị vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo. 2) Ép buộc, mua chuộc hoặc cản trở người khác theo hoặc không theo tín ngưỡng, tôn giáo. 3) Xúc phạm tín ngưỡng, tôn giáo.

Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là quyền được chú trọng trong Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. Chương II dành riêng về Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo với 3 điều quy định về quyền (Điều 6, Điều 7, Điều 8) và 1 điều quy định về nghĩa vụ (Điều 9). Điều 6: Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người với sáu khoản, trong đó có bốn khoản liên quan tới quyền tự do tôn giáo của người dân và một khoản liên quan tới chức sắc, nhà tu hành. Cụ thể, quyền đảm bảo tự do tôn giáo của người dân gồm: Khoản 1: Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Khoản 2: Mỗi người có quyền bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo; thực hành lễ nghi tín ngưỡng, tôn giáo; tham gia lễ hội; học tập và thực hành giáo lý, giáo luật tôn giáo. Khoản 3: Mỗi người có quyền vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo, lớp bồi dưỡng của tổ chức tôn giáo. Người chưa thành niên khi vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo phải được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý. Khoản 5. Người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo quy định của pháp luật về thi hành tạm giữ, tạm giam; người đang chấp hành hình phạt tù; người đang chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc có quyền sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo. Điều 8: Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam. Điều 9: Quy định nghĩa vụ tổ chức, cá nhân trong thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

Theo Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo quy định của pháp luật về thi hành tạm giữ, tạm giam; người đang chấp hành hình phạt tù; người đang chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc vẫn có quyền sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo. Điều này thể hiện tính nhân văn sâu sắc cũng như tôn trọng quyền tự do tôn giáo của Nhà nước Việt Nam đối với mọi người theo tinh thần Hiến pháp 2013. Trên tinh thần đó, Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 quy định: Người bị quản lý, giam giữ được sử dụng kinh sách xuất bản dưới hình thức sách in, phát hành hợp pháp để phục vụ nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của cá nhân; được thể hiện niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo bằng lời nói hoặc hành vi cá nhân theo quy định pháp luật về nhà tạm giữ, trại tạm giam, trại giam, trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; việc sử dụng quyền này không được làm ảnh hưởng đến quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và quyền tự do không tín ngưỡng, tôn giáo của người khác, không trái với quy định của pháp luật có liên quan (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2022, tr. 64). Nội dung này tiếp tục được khẳng định tại Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày

29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (Nghị định này thay thế Nghị định số 162/2017/NĐ-CP).

Nhà nước có trách nhiệm tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tôn giáo cho người dân, bảo đảm các tôn giáo đều được bình đẳng trước pháp luật. Bên cạnh đó, các giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tín ngưỡng, tôn giáo đều được tôn trọng và bảo vệ. Thụ hưởng quyền tự do tôn giáo theo chính sách, pháp luật về tôn giáo, các cá nhân có trách nhiệm khi tham gia hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo phải tuân thủ Hiến pháp, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và các quy định pháp luật có liên quan. Các cá nhân và tổ chức tôn giáo không được phân biệt đối xử, kỳ thị vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo; ép buộc, mua chuộc hoặc cản trở người khác theo hoặc không theo tín ngưỡng, tôn giáo; xúc phạm tín ngưỡng, tôn giáo và hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo; hoạt động tôn giáo bị cấm khi xâm phạm quốc phòng an ninh, chủ quyền quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, môi trường; xâm hại đạo đức xã hội; xâm phạm thân thể sức khỏe, tính mạng, tài sản; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác; cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân; chia rẽ dân tộc, chia rẽ tôn giáo; chia rẽ người theo tín ngưỡng, tôn giáo với người không theo tín ngưỡng, tôn giáo; giữa những người theo các tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau; lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo để trục lợi (Quốc hội, 1992; Quốc hội, 2013; Quốc hội, 2016).

Có thể thấy rằng, Nhà nước Việt Nam luôn coi trọng việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo nhằm tạo cơ sở pháp lý bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân. Là quốc gia thành viên của các Điều ước quốc tế liên quan nhân quyền, Việt Nam cam kết tôn trọng và bảo đảm các quyền được công nhận trong các công ước, triển khai thực hiện bằng hệ thống chính sách, pháp luật. Nhu cầu tôn giáo được xác định là nhu cầu tinh thần chính đáng của một bộ phận nhân dân, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và quyền tự do không tín ngưỡng, tôn giáo là một vấn đề quan trọng trong các quyền con người hiện được Nhà nước Việt Nam tôn trọng, bảo đảm bằng nỗ lực xây dựng, hoàn thiện, đổi mới chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, trên cơ sở giao thoa hội nhập văn hóa mạnh mẽ, việc tôn trọng và bảo vệ quyền tự do tôn giáo góp phần thúc đẩy sự hiểu biết, giảm thiểu xung đột giữa cộng đồng có niềm tin tôn giáo và cộng đồng không theo tôn giáo. Với xã hội Việt Nam, tự do tôn giáo là nền tảng duy trì ổn định xã hội, phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc và tạo điều kiện cho các tôn giáo tham gia tích cực vào các hoạt động hướng đích xã hội, từ thiện, giáo dục, y tế,... Việc đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo cũng thể hiện cam kết của Nhà nước đối với các Điều ước nhân quyền quốc tế, góp phần nâng cao uy tín và vị thế quốc gia trên trường quốc tế.

KẾT LUẬN

Việt Nam là một trong những quốc gia tham gia vào nhiều Điều ước quốc tế liên quan vấn đề quyền con người. Thời gian qua, Việt Nam đã đạt nhiều thành tựu quan trọng trong các hoạt động bảo vệ và thúc đẩy quyền con người. Tự do tôn giáo là một giá trị quan trọng của quyền con người được Đảng và Nhà nước Việt Nam tôn trọng. Ngay từ những ngày đầu thành lập nước, quan điểm tôn trọng quyền tự do theo tôn giáo và không theo tôn giáo của

người dân được Đảng khẳng định trong Hiến pháp (1946, 1999, 2013). Kể từ đó tới nay, đời sống tôn giáo Việt Nam phát triển qua nhiều giai đoạn. Tuy nhiên, quan điểm tôn giáo tự do tín ngưỡng, tôn giáo vẫn luôn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt thể hiện trong các văn bản chính sách, pháp luật về hoạt động tôn giáo của Việt Nam. Cho đến nay, con số 41 tổ chức tôn giáo thuộc 16 tôn giáo được công nhận tư cách pháp nhân sẽ không dừng tại đó, cho thấy sự tôn trọng của Đảng và Nhà nước đối với quyền tự do tôn giáo của người dân theo quy định của pháp luật. Nhờ vậy, thực tế cho thấy, các hoạt động của các tổ chức tôn giáo như đào tạo chức sắc, xây dựng, sửa chữa cơ sở thờ tự, tổ chức các nghi lễ, nghi thức tôn giáo, sinh hoạt tôn giáo của tín đồ... đều diễn ra thuận lợi, đáp ứng nhu cầu tôn giáo của một bộ phận người dân.

Hệ thống chính sách, luật pháp về hoạt động tôn giáo ở Việt Nam những năm qua không ngừng được hoàn thiện. Luật Tín ngưỡng, tôn giáo được ban hành là văn bản pháp lý quan trọng định hướng hoạt động tôn giáo. Hoạt động của các tổ chức tôn giáo và tín đồ tôn giáo thuận lợi theo đúng pháp luật đảm bảo tốt đời đẹp đạo, tôn giáo đồng hành cùng dân tộc. Chính sách, luật pháp về tín ngưỡng, tôn giáo đã có nhiều thành tựu, đặc biệt, trong việc thúc đẩy việc thụ hưởng ngày càng tốt hơn quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của một bộ phận quần chúng nhân dân Việt Nam. Tuy nhiên, thực hiện quyền tự do tôn giáo cần được đặt trong khuôn khổ pháp luật và tôn trọng quyền tự do của người khác, tránh mọi hình thức lợi dụng tôn giáo gây chia rẽ hoặc vi phạm an ninh quốc gia. Do vậy, hưởng thụ quyền tự do tôn giáo không chỉ là một giá trị nhân văn, mà còn là yếu tố cốt lõi để xây dựng xã hội công bằng, nhân ái và phát triển bền vững./.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Tôn giáo Chính phủ. (2022). *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*. Nxb. Thế giới.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2003). *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX*, Nxb. Chính trị Quốc gia.
3. Hồ Chí Minh. (1984). *Hồ Chí Minh toàn tập (Tập 3)*. Nxb. Sự thật, Hà Nội.
4. Quốc hội. (1946). *Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam*. Nxb. Chính trị Quốc gia.
5. Quốc hội. (1992). *Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam*. Nxb. Chính trị Quốc gia.
6. Quốc hội. (2013). *Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam*. Nxb. Chính trị Quốc gia.
7. Quốc hội. (2016). *Luật Tín ngưỡng, tôn giáo*. <https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2017/01/02.signed.pdf>
8. Trương Niệm Thức. (1949). *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*. Nxb. Tam Liên. Thượng Hải.